**Tiết 29: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:**

***1.1. Năng lực đặc thù:***

- Nhắc lại được các kiến thức đã học

- Vận dụng được các kiến thức đã học vào giải quyết bài tập

***1.2. Năng lực chung:***

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện bài kiểm tra.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***2. Phẩm chất:***

- Nghiêm túc, cố gắng ôn tập và làm bài kiểm tra.

**\*Giáo dục HS khuyết tật:** HS hoàn thiện được nội dung ôn tâp phù hợp năng lực.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu, KHBD, …

- Học liệu: ngữ liệu, phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu (5p)**

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

b) Nội dung: GV đặt vấn đề, HS suy nghĩ trả lời.

c) Sản phẩm: Chia sẻ của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS bằng cách đưa ra câu hỏi:

+ *Nhắc lại những kiến thức đã học ở bài 1 và 2?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời.

**B3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**

- HS chia sẻ câu trả lời của mình.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- GV kết luận, chốt ý bằng sơ đồ tư duy.

2. **Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới (20p)**

a) Mục tiêu: Các nội dung cơ bản đã học từ tuần 1 đến tuần 7 trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.

b) Nội dung:GV yêu cầu HS tìm hiểu kiến thức cũ/ Sgk

c) Sản phẩm:Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Hoạt động tìm hiểu Đọc hiểu VB**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * HS xem lại hệ thống kiến thức từ bài 1 đến hết bài 2.   **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ cá nhân trả lời.   **B3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**   * HS chia sẻ kết quả bài làm.   **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  **a/ Tiểu thuyết và truyện ngắn:**  **- Tiểu thuyết và truyện ngắn.**  Tiểu thuyết là tác phẩm văn xuôi cỡ lớn, có nội dung phong phú, cốt truyện phức tạp; phản ánh nhiều sự kiện, cảnh ngộ; thường miêu tả nhiều tuyến nhân vật, nhiều quan hệ chồng chéo với những diễn biến tâm lí phức tạp, đa dạng.  **- Tính cách nhân vật, bối cảnh**  +**Tính cách nhân vật trong truyện** (truyện ngắn và tiểu thuyết): thường được thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ của nhân vật; qua nhận xét của người kể chuyện và các nhân vật khác, ...  **Ví dụ:** Nhân vật Võ Tòng trong văn bản Người đàn ông cô độc giữa rừng (trích tiểu thuyết Đất rừng phương Nam của Đoàn Giỏi) không chỉ được mô tả, thể hiện qua ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ của nhân vật này mà còn được hiện lên qua lời của người kể chuyện xưng “tôi” và lời của các nhân vật khác trong truyện.  +**Bối cảnh trong truyện:** thường chỉ hoàn cảnh xã hội của một thời kì lịch sử nói chung (bối cảnh lịch sử); thời gian và địa điểm, quang cảnh cụ thể xảy ra câu chuyện (bối cảnh riêng); ...  **Ví dụ**: Bối cảnh lịch sử của câu chuyện Buổi học cuối cùng là thời kì sau chiến tranh, hai vùng An-dát (Alsace) và Lo-ren (Lorraine) của Pháp bị nhập vào nước Phổ. Các trường học thuộc hai vùng này bị bắt bỏ tiếng Pháp, chuyển sang học tiếng Đức. Bối cảnh riêng của câu chuyện là quang cảnh và diễn biến của buổi học tiếng Pháp cuối cùng.  **- Tác dụng của việc thay đổi ngôi kể**  Một câu chuyện có thể thay đổi ngôi kể để việc kể được linh hoạt hơn.  **Ví dụ:** Phần mở đầu đoạn trích Người đàn ông cô độc giữa rừng được kể theo lời cậu bé An (ngôi thứ nhất, xưng “tôi”), kể lại những gì cậu bé đã chứng kiến khi gặp chú Võ Tòng ở căn lều giữa rừng U Minh. Nhưng khi muốn nói về cuộc đời trước đây của Võ Tòng thì tác giả không thể kể theo lời cậu bé An được nữa mà phải chuyển sang kể theo ngôi thứ ba, bắt đầu bằng câu: “Không ai biết tên thật của gã là gì ...”. Đến phần cuối đoạn trích, tác giả lại chuyển về kể theo ngôi thứ nhất: “Chú Võ Tòng vẫn ngồi đó, đối diện với tía nuôi tôi ...”.  **b/ Thơ bốn chữ, năm chữ:**  - Thơ bốn chữ: bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng có bốn chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 2/2 hoặc 1/3. Ví dụ nhịp 1/3:  *Cau / ngày càng cao*  *Mẹ / ngày một thấp*  *Cau / gần với giời*  *Mẹ / thì gần đất*  (Đỗ Trung Lai)  - Thơ năm chữ: Bài thơ có nhiều dòng, mỗi dòng năm chữ. Các dòng thơ trong bài thường ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, thậm chí ngắt nhịp 1/4 hoặc 4/1. Ví dụ nhịp 2/3 và 3/2:  *Mỗi năm / hoa đào nở*  *Lại thấy / ông đồ già*  *Bày mực tàu / giấy đỏ*  *Bên phố / đông người qua.*  (Vũ Đình Liên)  - Các dòng ở cùng một khổ trong bài thơ không nhất thiết phải ngắt nhịp giống nhau.  - Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo vần chân (vần được gieo ở cuối dòng thơ), vần lưng (vần được gieo ở giữa dòng thơ), vần liên (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ) hay vần hỗn hợp (vần được gieo không trật tự nào). Bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ có thể gieo nhiều vần.   * 1. **Tiếng việt:**   a/ **Ngôn ngữ các vùng miền (Bài tập Sgk/26, 27)**  - Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia của Việt Nam, vừa có tính thống nhất cao, vừa có tính đa dạng. Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện ở các mặt ngữ âm và từ vựng:  + Về mặt ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.  **Ví dụ,** mặc dù cùng viết là ra nhưng người ở phần lớn các tỉnh miền Bắc phát âm giống như da, còn người miền Trung và miền Nam phát âm là ra; cùng viết là vui nhưng người miền Nam phát âm giống như dui, còn người miền Bắc và miền Trung phát âm là vui, ...  + Về mặt từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương).  **Ví dụ:** *thầy, u* (từ dùng ở một số tỉnh miền Bắc); *bọ, mạ* (từ dùng ở một số tỉnh miền Trung, tiêu biểu là Quảng Bình); *tía, má* (từ dùng ở nhiều tỉnh miền Nam) được dùng để gọi *cha, mẹ*.  - Trong tác phẩm văn học, việc sử dụng một số từ ngữ địa phương phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân ở địa phương nhất định; đồng thời, tạo sắc thái thân mật, gần gũi, phù hợp với bối cảnh mà tác phẩm miêu tả. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cần có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm.  **b/ Tác dụng của các biện pháp tu từ trong các tác phẩm văn học:** (Bài tập Sgk/48,49) | **I. Đọc hiểu VB**   * 1. **Văn bản:**   **a/ Tiểu thuyết và truyện ngắn:**  Học sinh cần nắm được những kiến thức:  *- Đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản.*  *- Ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi ngôi kể và tác dụng.*  *- Tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian*  *- Chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc*  *- Bày tỏ thái độ bản thân trước những vấn đề đặt ra trong văn bản.*  **b/ Thơ bốn chữ, năm chữ:**  Học sinh cần nắm được những kiến thức:  *- Vần, nhịp, các biện pháp tu từ và tác dụng*  *- Bố cục, hình ảnh tiêu biểu, yếu tố tự sự, miêu tả trong văn bản*  *- Cảm xúc của nhân vật trữ tình*  *- Chủ đề, thông điệp văn bản muốn gửi đến người đọc.*   * 1. **Tiếng việt:**   **a/** **Ngôn ngữ các vùng miền:**  **- Xác định được từ ngữ địa phương trong văn bản cho sẵn và nêu tác dụng.**  **b/ Các biện pháp tu từ:**  **- Chỉ ra các biện pháp tu từ và nêu tác dụng miêu tả, biểu cảm trong văn bản cho sẵn.** |
| **Hoạt động Viết:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**   * **Lập dàn ý cho những đề sau:**   1/ Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học.  2/ Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**   * HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi   **B3: Báo cáo kết quả, thảo luận:**   * Gv chiếu kết quả HS lên camera thông minh.   **B4: Kết luận, nhận định(GV):**   * 1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học. * **Mở đoạn:** Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ: dẫn ra yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc khiến em yêu thích. * **Thân đoạn:** Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hay nghệ thuật đặc sắc đã xác định ở mở đoạn. * **Kết đoạn:** Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mang lại cảm xúc ấy.   1. Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. * **Mở bài:** Nêu lý do kể chuyện * **Thân bài:** Lần lượt kể lại các sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử theo trình tự thời gian. * **Kết bài:** Phát biểu suy nghĩ của người kể lại câu chuyện | **II. Viết**  1/ Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ đã học.  2/ Viết bài văn kể về một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập + Vận dụng (10p)**

a) Mục tiêu: HS thực hành làm BT

b) Nội dung: HS làm thử đề GV cho.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

**ĐỀ SỐ 1:**

Đọc văn bản sau:

Mưa rơi tí tách  
Hạt trước hạt sau  
Không xô đẩy nhau  
Xếp hàng lần lượt.

Mưa vẽ trên sân  
Mưa dàn trên lá  
Mưa rơi trắng xóa  
Bong bóng phập phồng.

Mưa nâng cánh hoa  
Mưa gọi chồi biếc  
Mưa rửa sạch bụi  
Như em lau nhà.

Mưa rơi, mưa rơi  
Mưa là bạn tôi  
Mưa là nốt nhạc  
Tôi hát thành lời…

(Trích Mưa, Nguyễn Diệu, Thư viện thơ, 2019)

Thực hiện các yêu cầu:

**Câu 1**. Bài thơ “Mưa” được viết theo thể thơ gì?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bốn chữ | B. Năm chữ | C. Lục bát | D. Tự do |

**Câu 2**. Em hãy cho biết khổ thơ thứ hai được ngắt nhịp như thế nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Nhịp 1/1/2 | B. Nhịp 2/1/1 | C. Nhịp 2/2 | D. Nhịp 1/2/1 |

**Câu 3.** Đối tượng nào được nhắc đến nhiều nhất trong bài thơ?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cánh hoa | B. Hạt mưa | C. Chồi biếc | D. Chiếc lá |

**Câu 4**. Theo em biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ nhất?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Ẩn dụ | B. Hoán dụ | C. So sánh | D. Nhân hóa |

**Câu 5.**Xác định chủ đề của bài thơ “Mưa”?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Tình yêu thiên nhiên | C. Tình yêu quê hương |
| B. Tình yêu đất nước | D. Tình yêu gia đình |

**Câu 6.**Theo em đáp án nào đúng nhất về tình cảm của tác giả đối với mưa?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Yêu quý, trân trọng | C. Nhớ mong, chờ đợi |
| B. Hờ hững, lạnh lùng | D. Bình thản, yêu mến |

**Câu 7.**Em hãy nêu 2 lợi ích của mưa đối với đời sống con người và các sinh vật trên Trái đất.

**Câu 8.** Từ những lợi ích của mưa, em hãy nêu ít nhất 3 biện pháp để bảo vệ môi trường trong sạch.

**ĐỀ SỐ 2:**

**Đọc đoạn trích sau:**

*…Hạt gạo làng ta*  
*Có bão tháng bảy*  
*Có mưa tháng ba*  
*Giọt mồ hôi sa*  
*Những trưa tháng sáu*  
*Nước như ai nấu*  
*Chết cả cá cờ*  
*Cua ngoi lên bờ*  
*Mẹ em xuống cấy…*

(Trích “*Hạt gạo làng ta*” – Trần Đăng Khoa)

**\* Lựa chọn một đáp án đúng nhất:**

**Câu 1.**Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

|  |  |
| --- | --- |
| *A. Thơ bốn chữ* | *C. Thơ lục bát* |
| *B. Thơ năm chữ* | *D. Thơ tự do* |

**Câu 2.**Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ: *“Nước như ai nấu/ Chết cả cá cờ” là:*

|  |  |
| --- | --- |
| *A. So sánh* | *C. Ẩn dụ* |
| *B. Nhân hóa* | *D. Hoán dụ* |

**Câu 3.**Cách gieo vần của đoạn thơ dưới đây là:

*Hạt gạo làng****ta***  
*Có bão tháng bảy*  
*Có mưa tháng****ba***

|  |  |
| --- | --- |
| *A. Vần lưng* | *C. Vần lưng, vần liền* |
| *B. Vần chân* | *D. Vần chân, vần cách* |

**Câu 4.**Cặp câu thơ nào có sử dụng hình ảnh tương phản:

|  |  |
| --- | --- |
| *A. Có bão tháng bảy* *Có mưa tháng ba* | *C. Nước như ai nấu* *Chết cả cá cờ* |
| *B. Giọt mồ hôi sa* *Những trưa tháng sáu* | *D. Cua ngoi lên bờ* *Mẹ em xuống cấy…* |

**Câu 5.**Từ ***sa*** trong câu thơ “*Giọt mồ hôi sa” có nghĩa là:*

|  |  |
| --- | --- |
| *A. Ngã xuống* | *C. Đi xuống* |
| *B. Rơi xuống, lao xuống* | *D. Đi đến một nơi nào đó* |

**Câu 6.**Tác giả đã tả mẹ đi cấy trong điều kiện thời tiết như thế nào?

|  |  |
| --- | --- |
| *A. Mưa tầm tã* | *C. Nắng chói chang* |
| *B. Rét căm căm* | *D. Gió lồng lộng* |

**Câu 7.**Những giá trị của “hạt gạo làng ta” mà tác giả muốn khẳng định qua đoạn thơ là:

A. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất.

B. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người lẫn tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.

C. Hạt gạo là sự kết tinh của tinh hoa của trời đất, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.

D. Hạt gạo là sự kết tinh của công sức lao động vất vả của con người, mang cả giá trị vật chất lẫn giá trị tinh thần.

**\* Trả lời câu hỏi/ thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8.**Biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ *Nước như ai nấu/Chết cả cá cờ*đem lại hiệu quả nghệ thuật gì về mặt nội dung?

**Câu 9.**Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ, tình cảm gì với những người làm ra hạt gạo?

**Câu 10.**Bài học mà em rút ra được qua đoạn trích trên là gì?

**ĐỀ SỐ 3:**

**Đọc văn bản sau:**

**CỦ KHOAI NƯỚNG**

*Sau trận mưa rào vòm trời như được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn. Đã chớm hè nhưng trời vẫn lành lạnh, cái lạnh làm người ta hưng phấn và chóng đói. Thường Mạnh đi học về là đi thả trâu. Tối mịt cậu rong trâu về, đầu tưởng tượng đến một nồi cơm bốc khói nghi ngút.*

*Nhưng từ giờ đến tối còn lâu và cậu cần phải tìm được một việc gì đó trong khi con trâu đang mải miết gặm cỏ. Cậu bèn ngồi đếm từng con sáo mỏ vàng đang nhảy kiếm ăn trên cánh đồng màu đã thu hoạch. Thỉnh thoảng chúng lại nghiêng ngó nhìn cậu, ý chừng muốn dò la xem "anh bạn khổng lồ" kia có thể chơi được không. Chợt Mạnh phát hiện ra một đám mầm khoai đỏ au, mập mạp, tua tủa hướng lên trời. Kinh nghiệm đủ cho cậu biết bên dưới những chiếc mầm là củ khoai lang sót. Với bất cứ đứa trẻ trâu nào thì điều đó cũng tương đương với một kho báu. Nó bị sót lại từ trước Tết và bây giờ nó sẽ rất ngọt. Để xem, anh bạn to cỡ nào? Không ít trường hợp bên dưới chỉ là một mẩu khoai. Nước miếng đã kịp tứa khắp chân răng khi cậu tưởng tượng đến món khoai nướng. Ruột nó trong như thạch. Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này. Thật may là mình đem theo lửa - cậu lẩm bẩm. Sợ niềm hy vọng đi veo mất nên cậu rón rén bới lớp đất mềm lên. Khi cậu hoàn toàn tin nó là một củ khoai thì cậu thọc sâu tay vào đất, sâu nữa cho đến khi những ngón tay cậu ôm gọn củ khoai khá bự, cậu mới từ từ lôi nó lên. Chà, thật tuyệt vời. Nó không chỉ đơn thuần là củ khoai sót. Nó y như quà tặng, một thứ kho báu trời đất ban riêng cho cậu.*

*Mạnh đã có việc để làm, mà lại là một việc làm người ta háo hức. Trong chốc lát đống cành khô bén lửa và đợi đến khi nó chỉ còn lớp than hồng rực Mạnh mới vùi củ khoai vào. Cậu ngồi im lắng nghe một sự dịch chuyển vô cùng tinh tế dưới lớp than, cùi trắng muốt đang bị sức nóng ủ cho thành mật. Từng khoảnh khắc với Mạnh lúc này trở nên vô cùng huyền diệu. Rồi có một mùi thơm cứ đậm dần, cứ quánh lại, lan tỏa, xoắn xuýt. Cậu nhớ lại có lần bà kể, nhờ đúng một củ khoai nướng mà ông cậu thoát chết đói và sau đó làm nên sự nghiệp. Chuyện như cổ tích nhưng lại có thật. Nào, để xem sau đây cậu sẽ làm nên công trạng gì.*

*Chợt cậu thấy có hai người, một lớn, một bé đang đi tới. Ông già ôm theo bọc tay nải còn cậu bé thì cứ ngoái cổ lại phía làng. Cậu nhận ra hai ông cháu lão ăn mày ở xóm bên. Hôm nay, chẳng có phiên chợ sao ông cháu lão cũng ra khỏi nhà nhỉ. Vài lần giáp mặt cậu bé và thấy mặt mũi nó khá sáng sủa. Bố mẹ nó chết trong một trận lũ quét nên nó chỉ trông cậy vào người ông mù lòa. Mạnh lén trút ra tiếng thở dài khi ông cháu lão ăn mày đã đến rất gần. Có thể thấy rõ cánh mũi lão phập phồng như hà hít tìm thứ mùi vị gì đó. Cậu bé vẫn câm lặng, thỉnh thoảng lén nhìn Mạnh.*

*- Mùi gì mà thơm thế - ông cậu bé lên tiếng - Hẳn ai đang nướng khoai. Ngồi nghỉ một lát để ông xin lửa hút điếu thuốc đã cháu.*

*Ông lão lần túi lấy gói thuốc lào. Thằng bé giúp ông tháo khỏi lưng chiếc điếu nhỏ xíu. Mùi khoai nướng vẫn ngào ngạt và Mạnh đành ngồi chết gí, không dám động cựa. Chỉ khi ông lão nhờ, cậu mới cúi xuống thổi lửa. Chà, ông cháu lão mà ngồi dai là củ khoai cháy mất. Đã có mùi vỏ cháy. Lửa sẽ lấn dần vào cho đến khi biến củ khoai thành đen thui mới thôi. Dường như đoán được nỗi khó xử của Mạnh, ông lão bảo:*

*- Tôi chỉ xin lửa thôi...*

*Mạnh như bị bắt quả tang đang làm chuyện vụng trộm, mặt đỏ lên. Nhưng ông lão mắt lòa không thể nhìn thấy còn cậu bé ý tứ nhìn đi chỗ khác.*

*- Thôi, chào cậu nhé. Ta đi tiếp đi cháu!*

*Ông lật đật đứng dậy, bám vào vai cậu bé, vội vã bước. Cậu bé lặng lẽ nhìn Mạnh như muốn xin lỗi vì đã làm khó cho cậu. Cái nhìn đĩnh đạc của một người tự trọng, không muốn bị thương hại khiến Mạnh vội cúi gằm xuống. Ôi, giá như có ba củ khoai, chí ít cũng là hai củ. Đằng này chỉ có một... Mạnh thấy rõ tiếng chân hai ông cháu xa dần. Nhưng chính khi ấy, khi củ khoai nóng hổi, lớp vỏ răn lại như từng gợn sóng nằm phơi ra trước mắt Mạnh, thì nỗi chờ đón háo hức lúc trước cũng tiêu tan mất. Giờ đây củ khoai như là nhân chứng cho một việc làm đáng hổ thẹn nào đó. Dù Mạnh có dối lòng rằng mình chẳng có lỗi gì sất nhưng cậu vẫn không dám chạm vào củ khoai... Hình như đã có người phải quay mặt đi vì không dám ước có được nó. Có thể ông nội cậu đã từng nhìn củ khoai nướng cho ông làm nên sự nghiệp bằng cái cách đau đớn như vậy.*

*Mặc dù rong trâu về từ chiều nhưng mãi tối mịt Mạnh mới vào nhà. Giờ đây mới là lúc cậu sống trọn vẹn với cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá. Cậu nhắm mắt lại mường tượng giây phút cậu bé kia mở gói giấy báo ra. Nửa củ khoai khi đó sẽ khiến cậu ta liên tưởng đến phép lạ, có thể lắm chứ! Và rồi cậu thấy lâng lâng đến mức chính mình tự hỏi liệu đây có phải là giấc mơ?*

(Theo truyện ngắn Tạ Duy Anh)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Câu chuyện xảy ra vào thời điểm nào trong năm?

A. Cuối đông

B. Chớm hè

C. Cuối xuân

D. Đầu thu

**Câu 2.** Ai là người kể chuyện?

A. Cậu bé Mạnh

B. Ông lão ăn mày

C. Một người khác không xuất hiện trong truyện

D. Cậu bé ăn mày

**Câu 3**. Đâu là thành phần trạng ngữ trong câu *“Sau trận mưa rào vòm trời được rửa sạch, trở nên xanh và cao hơn.”?*

A. Sau trận mưa rào

B. Vòm trời

C. Rửa sạch

D. Xanh và cao hơn

**Câu 4**. Chủ đề của truyện là gì?

A. Lòng dũng cảm

B. Tinh thần lạc quan

C. Tinh thần đoàn kết

D. Lòng yêu thương con người

**Câu 5**. Vì sao cậu bé Mạnh lại có *“cảm giác ngây ngất của người vừa được ban tặng một món quà vô giá”?*

A. Vì cậu đã chia sẻ một phần khoai nướng với cậu bé ăn mày.

B. Vì nhận được lời cảm ơn của ông lão.

C. Vì được thưởng thức món ăn ngon.

D. Vì không bị lão ăn mày làm phiền.

**Câu 6**. Biện pháp tu từ nào đã được sử dụng trong câu *“Những giọt mật trào ra, gặp lửa tạo ra một thứ hương thơm chết người, nhất là khi trời lại lành lạnh thế này.”?*

A. So sánh

B. Nhân hóa

C. Nói qúa

D. Nói giảm nói tránh

**Câu 7**. Từ “*lật đật*” trong câu *“Ông lão lật đật đứng dậy.”* miêu tả hành động như thế nào?

A. Chậm dãi, thong thả

B. Mạnh mẽ, dứt khoát

C. Nhẹ nhàng, khoan khoái

D. Vội vã, tất tưởi

**Câu 8.** Cậu bé Mạnh có thái độ như thế nào đối với hai ông cháu lão ăn mày?

A. Tôn trọng

B. Coi thường

C. Biết ơn

D. Khinh bỉ

**Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:**

**Câu 9**. Nếu em là nhân vật cậu bé Mạnh trong câu chuyện, em có cư xử với hai ông cháu lão ăn mày như nhân vật trong truyện đã làm hay không, vì sao?

**Câu 10**. Ghi lại một cách ngắn gọn tâm trạng của em sau khi sau khi làm được một việc tốt.

**\*Hướng dẫn học bài về nhà và chuẩn bị bài sau:**

**- Bài cũ:**

+ Ôn tập theo hướng dẫn.

**- Bài mới:**

+ Soạn bài “*Bạch tuộc*” theo PHT đã gửi Zalo lớp.

**BÀI 3 - TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**

*(Thời gian thực hiện: 12 tiết)*

**Tiết 30,31,32: ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**Bạch tuộc**

(Trích tiểu thuyết *Hai vạn dặm dưới đáy biển* – Giuyn Véc-nơ)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**\* Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh,...); nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.

- Nhận biết được tính cách nhân vật thể hiện qua: cử chỉ, hành động, lời thoại, ý nghĩ của các nhân vật khác trong truyện, lời người kể chuyện.

- Nhận biết và vận dụng được số từ, phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.

- Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.

- Biết thảo luận nhóm tìm một vấn đề còn gây tranh cãi.

**\* Năng lực chung:**

- Góp phần phát triển các năng lực chung: tự học, tự giải quyết vấn đề, khai thác và sử dụng Internet.

**2. Phẩm chất:**

**\* Nội dung tích hợp lồng ghép:**

- Có thái độ trân trọng, ngợi ca những con người có ý tưởng khoa học táo bạo; lòng dũng cảm, tình yêu thiên nhiên, thích khám phá, thích tưởng tượng và sáng tạo,...

- Chăm chỉ, tự giác, giúp đỡ hỗ trợ các bạn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

**\* Giáo dục học sinh khuyết tật:** đọc được toàn bộ văn bản, xác định được một số yếu tổ của truyện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:**

- Máy tính, tivi, loa, giấy và bút dạ, bút màu, bút bi nhiều màu,…

**2. Học liệu**

- SGK, SGV, Thiết kế bài dạy Ngữ văn 7; tài liệu tham khảo về đặc trưng thể loại, về kĩ năng đọc hiểu và các văn bản mở rộng văn bản Ngữ văn 7; Phiếu học tập, hình ảnh, video,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1. Mở đầu (7P)**

***a.******Mục tiêu:*** Thu hút sự chú ý, tạo hứng thú học tập; huy động tri thức nền và hiểu biết của HS về truyện khoa học viễn tưởng và về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc-nơ.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng kĩ thuật dạy học tổ chức trò chơi kích hoạt kiến thức, trải nghiệm của HS về truyện và truyện khoa học viễn tưởng, về tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc-nơ.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS liên quan đến kiến thức, hiểu biết về truyện KH viễn tưởng, về tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc-nơ.

***d. Tổ chức thực hiện:* Trò chơi “Giải ô chữ bí mật”**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chiếu các ô chữ hàng dọc và hàng ngang (có đánh số ở ô hàng ngang) hướng dẫn HS:

+ Mỗi ô chữ hàng ngang là một câu hỏi, HS tự được lựa chọn ô chữ và trả lời câu hỏi trong 10 giây (nếu trả lời không đúng thì phải nhường quyền trả lời cho HS khác).

+ Mỗi hàng ngang được mở ra sẽ hiện lên một chữ cái trong từ khóa. (các chữ cái được sắp xếp lộn xộn).

+ Sau khi hàng ngang được mở ra hết, HS nào đoán được từ khóa sẽ có thưởng (tràng pháo tay/nghe một đoạn bài hát/một đồ dùng học tập,…)

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh quan sát và trả lời.

- HS nghe hướng dẫn và tham gia trò chơi dưới sự hướng dẫn của GV.

**Các câu hỏi hàng ngang:**

1. Đây là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ.

2. Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường gắn với lĩnh vực nào?

3. Sự kiện trong truyện khoa học viễn tưởng có thể bắt đầu từ sự kiện có thật. Đúng hay sai?

4. Tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” là tiểu thuyết hay truyện ngắn?

5. Tác giả của cuốn sách “Hai vạn dặm dưới đáy biển” là người nước nào?

6. Tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển” gồm bao nhiêu chương?

**Câu hỏi hàng dọc (từ khóa):** Tên của chương 42 trong tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” của Giuyn Véc-nơ?

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**

**Đáp án:**

- Hàng ngang: 1. Truyện khoa họ**c** viễn tưởng; 2. K**h**oa họ**c**; 3. Đ**ú**ng; 4. **T**iểu thuyết; 5. Ph**á**p; 6. **Bố**n mươi bảy.

- Hàng dọc: các chữ trong từ khóa lần lượt là C,K,U,C,U,T,A,B,Ô 🡪 ghép thành: **BẠCH TUỘC**

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét tinh thần tham gia trò chơi, động viên, khích lệ, trao thưởng cho HS, sau đó dẫn dắt vào bài 1 và văn bản “Bạch tuộc”

*(Ví dụ: Đúng vậy, phần trò chơi giải ô chữ bí ẩn cho thấy các em cũng đã có sự tìm hiểu kiến thức Ngữ văn về truyện khoa học viễn tưởng, đặc biệt là có những hiểu biết về cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Hai vạn dặm dưới đáy biển”. Đặc biệt, với từ khóa* ***Bạch tuộc*** *cô muốn giới thiệu với các em tên văn bản mà ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau đồng hành để khám phá những nét đặc sắc của một đoạn trích trong chương 42 của cuốn tiểu thuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển”!)*

**2. Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới (110P)**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được các khái niệm liên quan đến truyện khoa học viễn tưởng; Khám phá giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của văn bản “Bạch tuộc”; bước đầu hình thành cách đọc hiểu văn bản truyện khoa học viễn tưởng cho HS.

**b. Nội dung**: Hướng dẫn học sinh hoàn thiện các phiếu bài tập, trả lời câu hỏi đọc hiểu truyện để thực hiện mục tiêu đề ra.

**c. Sản phẩm:** Phiếu trả lời đã hoàn thiện và câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:** Thực hiện cá nhân và thảo luận cặp đôi, nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* NV1: Tìm hiểu một số khái niệm xoay quanh truyện khoa học viễn tưởng và những thông tin về tác giả, tác phẩm***  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  + Nhắc lại khái niệm về truyện khoa học viễn tưởng?  + Ghép các từ ở cột A vào dấu ba chấm ở cột B để hoàn chỉnh các đặc điểm của truyện khoa học viễn tưởng.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **A. Các yếu tố** | **Ghép** | **B. Đặc điểm** | | a. Đề tài |  | 1. ...có thể bắt đầu từ những sự kiện có thật, từ đó nhà văn hình dung tưởng tượng ra câu chuyện. | | b. Sự kiện |  | 2. ...thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ, với những sự kiện “đi trước thời gian” những tình huống táo bạo, bất ngờ. | | c. Tình huống |  | 3. ...thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất... | | d. Cốt truyện |  | 4. ...thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế...) trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập. | | e. Nhân vật |  | 5. ...thường gắn với đề tài của truyện, trong một dòng thời gian đã bị biến đổi; không gian thường ngoài vũ trụ và các hành tinh... | | đ. Bối cảnh |  | 6. ...thường đột ngột, bất ngờ, có phần ly kỳ, mạo hiểm. |   + Khi đọc hiểu văn bản truyện khoa học cần chú ý những gì? Em đã tập đọc hiểu theo hướng dẫn như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS độc lập thực hiện yêu cầu và hướng dẫn của GV;  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV tổ chức cho HS trình bày, nhận xét, bổ sung và hoàn chỉnh các khái niệm về truyện khoa học viễn tưởng.  B4: Kết luận, nhận định:  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  ***\* HĐ 2: Tìm hiểu những thông tin về tác giả, tác phẩm.***  Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:  - GV đặt câu hỏi: Hãy chia sẻ những thông tin em đã tìm hiểu về tác giả Giuyn Véc-nơ và tiểu tuyết “Hai vạn dặm dưới đáy biển” (thời điểm ra đời, đề tài, nội dung chính) ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS độc lập báo cáo theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà; HS khác lắng nghe, đối chiếu với phần chuẩn bị của mình để nhận xét, bổ sung  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV dựa trên phần HS trình bày để nhận xét, khuyến khích, tổng hợp ý kiến theo phần Thông tin Ngữ văn và Định hướng/SGK. Đồng thời bổ sung thông tin về tác giả Giuyn Véc-nơ và tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”.  *- Giuyn Véc-nơ* *không phải là nhà bác học, nhưng những tác phẩm của ông đã tạo nên lòng yêu khoa học và cung cấp cả những kiến thức khoa học cho biết bao thế hệ trong hơn một thế kỷ qua. Đây là cống hiến to lớn của Giuyn Véc-nơ cho sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học thế kỷ XX và xã hội càng văn minh. Giuyn Véc-nơ là nhà văn viết truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng nhất từ trước đến nay. Tác phẩm của ông đã được dịch ra hàng chục thứ tiếng trên thế giới. Có người nói rằng, với hơn 100 tác phẩm xuất bản trong vòng gần nửa thế kỷ sáng tác, ông đã tưởng tượng ra tất cả những phát minh khoa học của thế kỷ XX này.*  *- Cuốn tiểu thuyết được xuất bản lần đầu tiên từ tháng 3 năm*[*1869*](https://vi.wikipedia.org/wiki/1869)*đến tháng 6 năm 1870 trong tạp chí định kỳ Magasin d'Éducation et de Récréation của Pierre-Jules Hetzel. Phiên bản có tranh minh họa, xuất bản bởi Hetzel vào tháng 11 năm*[*1871*](https://vi.wikipedia.org/wiki/1871)*, gồm 111 tranh minh họa của họa sĩ Alphonse de Neuville và Édouard Riou. Cuốn sách được đánh giá cao trong thời gian phát hành và vẫn còn cho đến ngày nay; cuốn sách được xem như một trong những tiểu thuyết mạo hiểm xuất sắc đồng thời là một trong những tác phẩm vĩ đại nhất của Verne, bên cạnh những tác phẩm khác như*[*Vòng quanh thế giới trong 80 ngày*](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B2ng_quanh_th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi_trong_80_ng%C3%A0y)*và*[*Du hành vào trung tâm Trái Đất*](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0nh_tr%C3%ACnh_v%C3%A0o_t%C3%A2m_Tr%C3%A1i_%C4%90%E1%BA%A5t)*. Mô tả tàu*[*“Nautilus*](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%27%27Nautilus%27%27&action=edit&redlink=1)*” của nhân vật thuyền trưởng Nemo đã được coi là đi trước thời đại, vì nó mô tả chính xác các đặc điểm trên tàu ngầm hiện đại, trong khi thời kỳ cuốn sách được viết ra mới chỉ có những chiếc tàu ngầm rất sơ khai. Tác phẩm tiêu biểu cho đề tài quen thuộc của truyện khoa học* *viễn tưởng là khám phá đại dương đầy bí ẩn.*  ***\* HĐ3: Đọc văn bản***  - GV khai thác cách đọc từ HS và hướng dẫn cách đọc: rõ ràng, rành mạch, chú ý phân biệt giọng kể của “tôi” và giọng đối thoại của từng nhân vật; đặc biệt chú ý các từ ngữ phiên âm tiếng nước ngoài.  - GV tổ chức cho 4 HS đọc nối tiếp các đoạn: 1,2,3 (riêng đoạn 3 chia 2 phần cho 2 HS đọc)  -HS đọc theo hướng dẫn; GV cùng cả lớp lắng nghe, ghi nhận xét cách đọc của từng bạn ra giấy.  - GV tổ chức nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm cách đọc của HS;  - GV tổng hợp ý kiến, khen ngợi, rút kinh nghiệm các đọc và giải thích 1 số từ khó bằng hình ảnh: biển, quần đảo, bạch tuộc, tảo.  ***\* HĐ4: Tìm hiểu chung văn bản truyện “Bạch tuộc”***  - GVđặt câu hỏi: Xác định ngôi kể, nhân vật và bố cục của văn bản. Từ đó tóm tắt nội dung đoạn trích.  - HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi; tóm tắt nội dung chính của đoạn trích  - GV gọi một sốHS trình bày, HS khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung:**  **1. Kiến thức ngữ văn:**  **a,*Truyện khoa học viễn tưởng***  *\* Khái niệm:*  - Là những tác phẩm văn học mà ở đó, tác giả tưởng tượng, hư cấu dựa trên thành tựu của khoa học và công nghệ.  - Truyện khoa học viễn tưởng rất ít khi chứa các yếu tố thần kì, siêu nhiên, mà luôn dựa trên những kiến thức hoặc lý thuyết khoa học tại thời điểm tác phẩm đó ra đời.  *\* Đặc điểm: (SGK-Tr58,59)*  *- Đề tài* thường gắn với các lĩnh vực khoa học như công nghệ tương lai, du hành vũ trụ, người ngoài hành tinh, khám phá đại dương và lòng trái đất...  *- Sự kiện* có thể bắt đầu từ những sự kiện có thật, từ đó nhà văn hình dung tưởng tượng ra câu chuyện.  *- Tình huống* thường đột ngột, bất ngờ, có phần ly kỳ, mạo hiểm.  *- Cốt truyện* thường gắn với các sự kiện khoa học và công nghệ, với những sự kiện “đi trước thời gian” những tình huống táo bạo, bất ngờ.  - *Nhân vật* thường là những con người thông thái (nhà khoa học, nhà phát minh, sáng chế...) trong các lĩnh vực (đề tài) mà tác phẩm đề cập.  - *Bối cảnh* thường gắn với đề tài của truyện, trong một dòng thời gian đã bị biến đổi; không gian thường ngoài vũ trụ và các hành tinh...  *\* Những lưu ý khi đọc truyện khoa học viễn tưởng: (SGK/Tr.60)*  ***2. Tác giả - Tác phẩm:***  ***a, Tác giả***   * ***Giuyn Véc-nơ (1828-1905)***   Là nhà văn người Pháp nổi tiếng, người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những “Cha đẻ” của thể loại này.  ***b, Tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”***  - Thời điểm xuất bản lần đầu tiên năm 1870. Phiên bản có tranh minh họa, xuất bản bởi Hetzel vào tháng 11 năm [1871](https://vi.wikipedia.org/wiki/1871), gồm 111 tranh minh họa.  - Đề tài: khám phá đại dương bí ẩn.  - Nội dung chính: Tác phẩm kể về cuộc thám hiểm trên biển của con tàu No-ti-lớt và những cuộc phiêu lưu của những nhân vật trên con tàu đó.  ***3. Hướng dẫn đọc***  ***a,Đọc – hiểu chú thích:***  ***b,Đặc điểm thể loại:***  - Ngôi kể: Thứ nhất  - Nhân vật: tôi (giáo sư A-rôn-nác), thuyền trưởng Nê-mô, Nét-Len, Công-xây, thủy thủ...  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1 *(đoạn 1): Thông tin ban đầu về bạch tuộc.*  *+* Phần 2 *(đoạn 2): Bạch tuộc xuất hiện.*  *+* Phần 3 *(đoạn 3): Cuộc giáp chiến với Bạch tuộc* |

**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Học sinh biết đọc hiểu để nhận biết chi tiết các yếu tố về hình thức của truyện viễn tưởng (tình huống, cốt truyện, nhân vật…) và nội dung (chủ đề và ý nghĩa) của truyện.

**b. Nội dung**: Sử dụng kĩ thuật động não, giao nhiệm vụ cá nhân, thảo luận nhóm học tập hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản để nắm được chi tiết một số yếu tố hình thức, nội dung của truyện khoa học viễn tưởng**.**

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập đã hoàn thiện, câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện:** Tổ chức hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập qua việc hoàn thiện phiếu học tập 2.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOÀN THIỆN CÁ NHÂN PHIẾU HỌC TẬP 2:**  **HS đọc đoạn văn bản 1, 2/61+ 62 và trả lời các câu hỏi tìm ý** | |
| **Câu hỏi** | **Trả lời** |
| *(1) Bạch tuộc xuất hiện trong hoàn cảnh nào?* |  |
| *(2) Lời kể của nhân vật tôi trong đoạn trích có tác dụng gì?* |  |
| *(3) Cuộc trò chuyện của Nét với Giáo sư A-rôn- nác cho em biết gì về những con bạch tuộc?* |  |
| *(4) Thực tế con bạch tuộc được thể hiện qua những chi tiết nào?* |  |
| *(5) Nhận xét cách tác giả thể hiện về con bạch tuộc? Chi tiết nào cho thấy tác giả có trí tưởng tượng phong phú về loài bạch tuộc?* |  |
| *(6) Nêu ra một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc.* |  |
| *(7) Những chi tiết nào trong đoạn trích “ Bạch tuộc cho thấy người viết có những hiểu biết dựa vào thành tựu của khoa học?* |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hoàn cảnh và hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS đọc đoạn văn bản 1, 2/61+ 62  Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi PHIẾU HỌC TẬP 1  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thảo luận cặp đôi hoàn thiện cá nhân phiếu học tập đã chuẩn bị.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các cặp đôi báo cáo theo kĩ thuật công đoạn  + Cặp đôi 1: Trả lời câu hỏi 1, 2, 3.  + Cặp đôi 2: Trả lời câu hỏi 4,5  + Cặp đôi 3: Trả lời câu hỏi 6,7  Các cặp đôi khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung cho bạn.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV chiếu trên máy :  + Hoàn cảnh xuất hiện bạch tuộc.  +Hình ảnh bạch tuộc qua cuộc thoại của các thủy thủ và giáo sư.  + Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện thực tế  Kết luận:  Trong miêu tả của tác giả, có những chi tiết giống với đặc điểm thực tế của loài bạch tuộc, có những chi tiết mang tính tưởng tượng. Khi tác phẩm ra đời, chỉ một số người đi biển mới từng gặp bạch tuộc Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cuộc chiến đấu của các thủy thủ với con bạch tuộc.Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụHọc sinh đọc phần 3 của văn bảnTrả lời cá nhân câu hỏi 1,Thảo luận nhóm PHIẾU HỌC TẬP 2 sau đó các nhóm trả lời câu hỏi 2. | **II. Đọc - hiểu văn bản** **1. Hình ảnh bạch tuộc** **\* Hoàn cảnh xuất hiện:** + Tàu No-ti-lớt lặn sâu xuống biển tới hai, ba ngàn mét và đến ngày 20 tháng 4 lại nổi lên “*cách mặt biển một ngàn năm trăm mét”.*  **\* Hình ảnh bạch tuộc khổng lồ:**  - Qua lời kể của nhân vật tôi *“Con bạch tuộc khổng lồ”, “dùng các loại súng bắn nhưng vô hiệu vì lao nhọn và đạn xuyên qua thân bạch tuộc như qua một khối thịt đông”,* đã giới thiệu được về con bạch tuộc tạo ấn tượng và sự tò mò của bạn đọc.  - Cuộc trò cuộc trò chuyện của Nét, Công xây với giáo sư A-rôn-nác: đã gợi cho bạn đọc hình dung về những con bạch tuộc là con vật to lớn, khổng lồ, rất đáng sợ, bí ẩn dưới đại dương.  *+ Con bạch tuộc dài chừng sáu mét.*  *+ Trên đầu có tám cái vòi, ngọ ngoạy trong nước biển như một con rắn.*  *+ Hai hàm của nó rất giống mỏ vẹt, nhưng lớn hơn nhiều*  - Hình ảnh bạch tuộc khi xuất hiện**:**  *+ Dài chừng tám mét*  ***+*** *Nó bơi lùi rất nhanh.*  *+ Mắt nó màu xanh xám, nhìn thẳng không động đậy.*  *+ Tám chân từ đầu mọc ra, dài gấp đôi thân và luôn luôn uốn cong.*  *+ Có hai trăm rưỡi cái giác ở trong vòi.*  *+ Hàm răng giống cái mỏ vẹt bằng sừng, luôn luôn mở ra, khép lại.*  *+ Lưỡi nó cũng bằng chất sừng, hàm răng nhọn, rung lên bần bật mỗi khi thò ra khỏi mồm.*  *+Thân hình thoi.*  *+ Nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.*  *+Màu sắc thay đổi từ xám chỉ sang nâu đỏ.*  *+ Vòi bạch tuộc có khả năng mọc lại.*  -> Bằng trí tưởng tượng phong phú, miêu tả rất cụ thể, chi tiết, rõ ràng, tác giả giúp độc giả hình dung được bạch tuộc là một loài vật đáng sợ - một con vật rất to lớn, như một con quái vật dưới biển sâu...  - Chi tiết thể hiện trí tưởng tượng rất phong phú về bạch tuộc:  + Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.  + Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.  + Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.  -Những yếu tố cho thấy người viết dựa vào những hiểu biết và thành tựu khoa học:  + Tàu ngầm mới đang được thử nghiệm  + Bạch tuộc đã được phát hiện  - Yếu tố chứng tỏ không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích:  + Cuộc thám hiểm bằng tàu ngầm mà không phải bằng một phương tiện thần kì.  + Giao chiến với bạch tuộc bằng vũ khí và sức lực của con người, không có sự trợ giúp của thần linh.  **2. Cuộc giao chiến với con bạch tuộc.** |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 3:** *1) Đoạn trích kể lại sự kiện gì? Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả là tình huống nào?*  ***(2) Tìm chi tiết thể hiện cuộc chiến đấu của các thủy thủ với những con bạch tuộc?*** *Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong văn bản như thế nào?* | |
| **Chi tiết về cuộc chiến đấu của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc.** | |
| **Con bạch tuộc** | **Đoàn thủy thủ** |
| ................................ | ............................................................................. |
| **2**. **Cuộc giáp chiến với bạch tuộc kết thúc như nào? Tạo sao mắt Nê- mô ứa lệ?**  …………………………………...................................................................................  ………………………...................................................................................................  Nhận xét biểu hiện lòng dũng cảm, tình yêu thương đồng đội của đoàn thủy thủ:  ……………………………………...............................................................................  …………………………………................................................................................. | |
| **3. Em học tập được những gì về nghệ thuật kể, tả của tác giả về trận giao chiến giữa các thủy thủ và con bạch tuộc.**  - Nghệ thuật kể chuyện: ………...............................................................................  - Sử dụng từ ngữ: ……………................................................................................. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh đọc văn bản thực hiện nhiệm vụ theo nhóm học tập.  Giáo viên quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận  Các nhóm khác lắng nghe, bổ sung | **a. Hoàn cảnh, sự kiện:**  - Con tàu bị mắc kẹt, chân vịt không thể quay được nữa. Những người trên tàu ngầm No-ti-lớt chiến đấu với những con bạch tuộc.  - Tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu.  **b. Chi tiết về cuộc giao chiến với bạch tuộc và lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của các thủy thủ đoàn**. |

**DỰ KIẾN TRẢ LỜI PHIẾU HỌC TẬP 2**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Chi tiết về cuộc chiến đấu của đoàn thủy thủ với con bạch tuộc.** | |
| **Con bạch tuộc** | **Đoàn thủy thủ** |
| *Một cái vòi dài trườn xuống dưới thang như một con rắn, hai chục cái vòi nữa thì ngoằn ngoèo ở phía trên.* | *Sẵn sàng giáp chiến với con bạch tuộc khổng lồ.* |
| *Một cái vòi lao tới nhấc bổng người thủy thủ lên.* | *Thuyền trưởng Ne-mô chặt đứt phăng cái vòi khủng khiếp.*  *Viên thuyền phó, các thủy thủ và ba nhà khoa học chiến đấu với những con bạch tuộc khác đang bò trên thành tàu.* |
| *“Phun ra chất lỏng màu đen”, cuốn theo một người thủy thủ xuống biển.* | *“Chúng tôi xông đến lũ bạch tuộc”*  *“Ai nấy đều sôi sục căm thù!”* |
| Một con bạch tuộc quật ngã Nét, định nuốt chửng anh “*Cái mỏ đáng sợ của quái vật đã hác hốc ra ở phía trên Nét*” | *“Nét Len phóng lao nhọn vào những cái mắt xanh xám của lũ quái vật”*  Nê-mô lao đến cứu Nét *“Lưỡi rìu của Nê- mô cắm phập vào mồm quái vật”*  *“Nét thoát chết liền đứng dậy và phóng ngập mũi lao vào tim kẻ thù”.* |
| *“Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lẩn xuống biển sâu”* | *“Thuyền trưởng Nê- mô, mình nhuốm đầy máu đứng lặng người bên chiếc đèn pha mà nhìn xuống biển cả vừa nuốt mất một người đồng hương của mình. Mắt Nê- mô ứa lệ*” |
| Đàn bạch tuộc hung hãn, tàn bạo, sẵn sàng giết chết đoàn thủy thủ nhưng cuối cùng đã nhận kết cục thua trận, phải chạy trốn xuống biển. | Đoàn thủy thủ dũng cảm, kiên cường chống lại lũ quái vật biển sâu. Trong cuộc chiến đó, ta không chỉ thấy được sự anh dũng mà còn thấy được tinh thần đoàn kết, tình yêu thương. Những người thủy thủ không ngại nguy hiểm để cứu đồng đội của mình, và họ rất đau đớn trước sự hi sinh của một người đồng hương. |
| **2. Biểu hiện lòng dũng cảm, tình yêu thương, tinh thần đồng đội của đoàn thủy thủ.**  - Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu.  - Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:  + Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.  + Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt. | |
| **3. Nghệ thuật kể, tả trận giao chiến**. | |
| - Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn, kịch tính, hấp dẫn.  - Sử dụng những từ ngữ giàu sức biểu cảm cùng những câu cảm thán bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ của người tham gia cuộc chiến.  ->Giúp người đọc hình dung rõ được sự cam go, nguy hiểm của cuộc chiến. | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  HS và GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm  GV kết luận về tinh thần đồng đội, dũng cảm, yêu thương của các thủy thủ trong trận chiến  GV hỏi thêm học sinh một số câu hỏi: | **3. Bài học cuộc sống**  - Dũng cảm, đối mặt với nguy hiểm khó khăn  - Người kiên cường, dũng cảm, mạnh mẽ sẽ luôn là người chiến thắng.  - Biết yêu thương, sẻ chia giúp đỡ những người gặp khó khăn  - Không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình bỏ mặc người khác.  - Đoàn kết tạo nên sức mạnh để vượt qua khó khăn thử thách vươn đến chiến thắng |

**HƯỚNG DẪN TỔNG KẾT VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu:** Khái quát nhận biết về đặc điểm hình thức, nội dung văn bản

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi khái quát ý

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm**  (*1) Hãy chỉ ra đặc sắc nghệ thuật của văn bản?*  *- Xây dựng cốt truyện:*  *- Tình huống:*  *- Ngôi kể:*  *- Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị:*  *- Bối cảnh:*  *- Ngôn ngữ:*  *(2) Nêu khái quát nội dung văn bản.*  (3)Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học gì khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh thực hiện suy nghĩ cá nhân  GV động viên, khích lệ học sinh trả lời  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  GV yêu cầu HS trả lời theo kĩ thuật công đoạn 3 học sinh trả lời 3 câu hỏi  HS khác bổ sung**.**  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV đánh giá và kết luận:  Câu chuyện là bài học về lòng dũng cảm nhắc ta cần có dũng khí khi: dũng cảm, kiên cường và tinh thần đồng đội khi gặp những tình huống khó khăn thử thách trong cuộc sống. Chỉ cần kiên trì và đoàn kết cùng chiến đấu, chúng ta sẽ có sức mạnh phi thường để vượt qua hoạn nạn.  ***Hình thành cách đọc văn bản truyện KH viễn tưởng***  - GV tổ chức thảo luận nhóm bằng kĩ thuật khăn trải bàn để HS xây dựng kĩ năng đọc truyện KH viễn tưởng.  - HS chia nhóm 4 HS thực hiện yêu cầu: mỗi HS bày tỏ ý kiến cá nhân vào các góc 🡪 thống nhất và tổng hợp những ý kiến chung vào ô giữa.  - GV gọi đại diện 1 nhóm HS trình bày sản phẩm; nhóm khác quan sát.  - GV cùng HS khác nhận xét, tổng hợp ý kiến, khắc sâu kĩ năng đọc truyện khoa học viễn tưởng. | **III.Tổng kết:** **1. Giá trị nội dung:**  Qua cuộc chiến đấu dũng cảm của đoàn thủy thủ trên tàu No- ti- lớt với những con bạch tuộc khổng lồ hung dữ. Văn bản thể hiện lòng dũng cảm, kiên cường, trách nhiệm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội của những người thủy thủ.  **2. Nghệ thuật**  **- Xây dựng cốt truyện**: Dựa trên thành tựu khoa học công nghệ tàu ngầm, bạch tuộc  **- Tình huống**:  + Li kì, hấp dẫn bất ngờ thể hiện sự li kì mạo hiểm của hành trình thám hiểm khám phá đại dương của đoàn thủy thủ và các nhà khoa học.  + Không sử dụng yếu tố thần kì, siêu nhiên.  **- Ngôi kể:** Ngôi thứ nhất làm cho câu chuyện kể chân thực, bộc lộ cảm xúc của người kể  - **Nghệ thuật kể chuyện hấp dẫn thú vị:** Kết hợp kể, tả, biểu cảm để cuốn hút người đọc.  **- Bối cảnh:** Tạo ra bối cảnh diễn ra trong nhiều ngày, nhiều thời điểm, ở không gian của biển cả rộng hớn, hoành tráng, bí ẩn.  **- Ngôn ngữ**: Ngôn ngữ đối thoại, sử dụng từ ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm và có nhiều từ ngữ bộc lộ cảm xúc, câu cảm thán  ***3. Cách đọc văn bản truyện KH viễn tưởng:***  - Nhận biết được các yếu tố cơ bản của truyện khoa học viễn tưởng: thời điểm ra đời, đề tài, sự kiện, bối cảnh, tình huống truyện...  - Xác định được những yếu tố thể hiện tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời.  - Nhận biết những yếu tố cho thấy người viết có những hiểu biết và dựa vào những thành tựu của khoa học – công nghệ, không có các yếu tố thần kì, siêu nhiên như truyện truyền thuyết, cổ tích. |

**IV/ LUYỆN TẬP (10P)**

**a. Mục tiêu:** Khắc sâu những hiểu biết vềđặc điểm hình thức, nội dung văn bản

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi khái quát ý

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Trò chơi : “ THỬ TÀI GHI NHỚ ”**  Cách thực hiện: GV thiết kế các mảnh ghép tương ứng với 8 câu hỏi về nội dung bài học.  Hình thành 2 đội chơi, một ban cố vấn để ghi chép, đánh giá góp ý việc trả lời.  Một học sinh quản trò điều hành việc lựa chọn và trả lời các câu hỏi.  **Luật chơi:** Đội 1 sẽ bắt đầu bằng việc lựa chọn mảnh ghép mình yêu thích, thảo luận và trả lời câu hỏi. Đội 2 có nhiệm vụ đánh giá phần trả lời của bạn và góp ý sau đó chọn mảnh ghép tiếp theo và thảo luận trong tổ rồi trả lời. Ban cố vấn sẽ lắng nghe, ghi chép và đánh giá. Cứ thế cho đến khi hai đội trả lời hết các câu hỏi.  Học sinh tham gia trả lời gói câu hỏi củng cố kiến thức liên quan bài học  **Câu 1:**  *- Những yếu tố nào của văn bản cho biết tính chất tưởng tượng về một tương lai rất xa so với thời điểm tác phẩm ra đời?*  **Câu 2:** *Những điều ấn tượng về giáo sư A- rôn- nác.*  **Câu 3***: Những điều ấn tượng về thuyền trưởng Nê - mô.*  **Câu 4***: Nêu nội dung chính của đoạn trích? Tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là gì?*  **Câu 5:** *Nêu chi tiết thể hiện sự tưởng tượng phong phú của tác giả về bạch tuộc?*  **Câu 6***. Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện trong văn bản như thế nào?*  *Câu 7. Cuộc giáp chiến với bạch tuộc kết thúc như nào? Tạo sao mắt Nê- mô ứa lệ?*  *Câu 8: Bài học cuộc sống rút ra từ văn bản?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  Học sinh tích cực tham giatrả lời câu hỏi của trò chơi  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  -HS trả lời cá nhân các câu hỏi trò chơi bằng cách lựa chọn mảnh ghép để trả lời câu hỏi tương ứng.  - Giáo viên quan sát, hỗ trợ, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên và học sinh cùng đánh giá mức độ hoàn thành của các đội chơi. | **Câu 1: Nội dung văn bản và yếu tố thể hiện tính chất tưởng tượng về một tương lai xa so với thời điểm tác phẩm ra đời.**  - Tác giả viết về trận chiến giữa người trên tàu No-ti-lớt và những con bạch tuộc.  - Tác phẩm “*Hai vạn dặm dưới đấy biển”* của Véc-nơ ra đời năm 1870. Khi đó, tàu ngầm mới đang được thử nghiệm ở mức độ sơ khai; bạch tuộc cũng chỉ mới được một số người đi biển bắt gặp.  **Câu 2: Điểm ấn tượng về nhân vật giáo sư A- rôn- nác.**  -Nhân vật nào trong đoạn trích *Bạch tuộc*để lại cho em nhiều ấn tượng nhất là nhân vật giáo sư A-rôn-nác.  - Miêu tả chân dung nhân vật này: Trong tưởng tượng của em, giáo sư A-rôn-nác là một người uyên bác. Ông có một bộ râu quai nón cùng mái tóc xoăn đẹp đẽ. Người ông hơi mập mạp. Ông đeo kính, hay đọc sách, ghi chép những điều mình suy nghĩ và khám phá được. Ông cũng rất thân thiện, cởi mở với mọi người. Dựa vào hiểu biết của mình, ông đã giảng giải nhiều kiến thức cho người khác.  **Câu 3: Điều ấn tượng về nhân vật thuyền trưởng Nemo**.  Nhân vật mà em ấn tượng nhất trong văn bản là thuyền trưởng Nemo. Trong tưởng tượng của em, Nê- mô là một người đàn ông cao lớn, khỏe mạnh với vầng trán cao và ánh mắt sáng. Ông đã điều khiển cả con tàu, yêu thương gắn bó từng con người và bộ phận của chiếc tàu kỳ diệu đã giúp họ khám phá vô số những bí mật dưới đáy đại dương.  **Câu 4:** Đoạn trí “Bạch tuộc” kể lại sự kiện chiến đấu của những người trên tàu ngầm No-ti-lớt với những con bạch tuộc.  - Theo em, tình huống hấp dẫn nhất được mô tả trong văn bản là tình huống Nét Len bị một con bạch tuộc quật ngã, trong gang tấc anh đã được Nê-mô giải cứu  **Câu 5.** Một số chi tiết trong văn bản cho thấy trí tưởng tượng rất phong phú của nhà văn về bạch tuộc:  - Bạch tuộc có đuôi và đuôi có thể mọc lại.  - Khối thịt của bạch tuộc nặng chừng hai mươi, hai lăm tấn.  - Mực đen của bạch tuộc không gây hại cho con người.  **Câu** **6.**  - Lòng dũng cảm, tình yêu thương và tinh thần đồng đội được thể hiện qua trận chiến đấu với bạch tuộc:  + Mọi người cùng nhau dùng vũ khí chiến đấu với con quái vật, không ai nề hà run sợ hay lùi bước.  + Thái độ nuối tiếc, xót thương khi có người bị mất tích sau cuộc chiến khốc liệt.  **Câu 7**  - Cuộc giáp chiến kéo dài mười lăm phút. Lũ bạch tuộc chiến bại, phần bị chết, phần bị thương, cuối cùng phải bỏ chiến trường mà lặn xuống biển sâu.  - Mắt Nê-mô ứa lệ vì một con bạch tuộc đã dùng vòi quấn chặt lấy một thủy thủ. Sau khi chỉ còn một chiếc vòi quấn chặt lấy thủy thủ ấy, nó đã lặn xuống biển sâu. Người thủy thủ đã vĩnh viễn ra đi.  **Câu 8.**  Từ câu chuyện trên, em rút ra bài học khi gặp những tình huống khó khăn và thử thách nguy hiểm trong cuộc sống cần phải hiểu được khó khăn, thử thách, phải dũng cảm đối đầu và sẽ nhờ cậy người khác khi thực sự cần sự trợ giúp |

**V. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG (7P)**

**4. Hoạt động 4: Vận dụng (7p)**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng những kiến thức đã học, sự trải nghiệm và liên hệ thực tế để xây dựng ý tưởng về loài bạch tuộc trong tương lai.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề, kĩ thuật động não để HS thực hiện sản phẩm học tập.

***c. Sản phẩm:*** Bài giới thiệu ý tưởng về loài bạch tuộc trong tương lai bằng bản PP thuyết trình.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV chia nhóm và nêu vấn đề: Từ kiến thức khoa học về loài bạch tuộc hoặc một loài vật khác trong đại dương ở hiện tại, hãy tưởng tượng về loài bạch tuộc thông minh hoặc một loài vật khác ở đại dương trong tương lai xa.

- GV cho HS xem video giới thiệu về loài bạch tuộc thông minh nhất thế giới, sau đó và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu:

1. Thu thập các kiến thức khoa học về loài bạch tuộc hoặc loài vật khác ở đại dương trong thời điểm hiện tại.

2. Xây dựng ý tưởng về loài bạch tuộc hoặc một loài vật khác trong tương lai (1 thế kỷ hoặc nhiều hơn nữa): hình dáng, hoạt động, thói quen, đặc biệt là sự thông minh/sự hữu ích trong cuộc sống con người.

3. Thiết kế thành bản PPT giới thiệu ý tưởng đó.

- HS làm việc theo nhóm và thực hiện nội dung nhiệm vụ trong 1 tuần

- GV tổ chức cho đại diện HS trình bày ý tưởng vào tuần học sau; HS nhận xét, khen ngợi, khuyến khích các ý tưởng độc đáo.

**HƯỚNG DẪN HỌC BÀI CŨ VÀ CHUẨN BỊ BÀI MỚI**

- Hoàn thiện các bài tập “Nhân vật nào trong đoạn trích “Bạch tuộc” để lại cho em nhiều ấn tượng nhất? Hãy miêu tả (khoảng 4 - 5 dòng) hoặc vẽ trên giấy chân dung nhân vật này?

- Ôn tập kĩ theo nội dung để Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ I